

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 13/ 6/2019

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lại.
2. Ông Dương Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh -Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc Tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06 ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1971 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

2.Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 – Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Hiện không rõ địa chỉ, Tòa án đã tuyên bố mất tích.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng Trung trình bày: Anh T và chị Th kết hôn với nhau ngày 02/11/1992, trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 02 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc vì nhiều nguyên nhân và lý do khác nhau và cũng do có khó khăn về kinh tế, chị Th đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2013 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh T nữa. Từ khi chị Th bỏ đi anh T đã đi tìm chị Th nhiều

nơi nhưng không biết chị Th ở đâu và cũng không liên lạc được với chị Th. Tháng 12/2019 chị Th đã bị Tòa án nhân dân huyện V tuyên bố mất tích. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích cho đến nay chị Th không quay lại địa phương và hiện tại anh T cũng không biết chị Th đang ở đâu và làm gì. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, không thể chung sống với chị Th được nữa, anh T đề nghị được ly hôn chị Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994 và Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1996. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất: không có vướng mắc gì, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th hiện không rõ địa chỉ ở đâu, đã bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B tuyên bố mất tích bằng Quyết định số 11/2018/QĐDS-ST ngày 25/12/2018.

Xác minh tại địa phương được biết: Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1992. Về sau vợ chồng mâu thuẫn và chị Th đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2013 cho đến nay. Từ khi Tòa án tuyên bố chị Th mất tích cho đến nay chị Th không quay lại địa phương, địa phương không biết chị Th đi đâu làm gì. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa: nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật. Đại diện Viện kiểm đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56- Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí: Xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th. Anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, đã

được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nên việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn anh T thấy: Anh T và chị Th kết hôn với nhau đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung nhưng do có mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống nên chị Th đã bỏ đi từ tháng 3/2013 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh T nữa. Hiện chị Th đã bị Tòa án tuyên bố mất tích, không ai biết chị Th ở đâu và làm gì. Do vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được; anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Th. HĐXX xét thấy thời gian anh T và chị Th ly thân đã lâu, hai bên không có biện pháp nào nhằm khắc phục tình trạng hôn nhân và hai bên cũng không quan tâm tới nhau, chị Th vắng mặt tại địa phương nhiều năm nay. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th là phù hợp với quy định tại Điều khoản 2 Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị Th có 02 con chung là Nguyễn Hồng S, sinh năm 1994 và Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1996. Nay hai con đã trưởng thành, sau khi ly hôn anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- (1) Căn cứ vào các Điều 51, khoản 2 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình;
- (2) Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí, xử:

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2-Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 05304 ngày 22/ 02/ 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí).

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã N;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Vũ Văn Hợp